TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21 – 9– 2020.
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trinh

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 Về việc Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Số A, Dương Quang Đông, khóm 3, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số A, Dương Quang Đông, khóm 3, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: bà và ông Lê Văn Kh sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, đến tháng 9 năm 2002 hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/9/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Lê Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 18/11/1995 và Lê Nguyễn Phượng H2, sinh ngày 20/01/1997. Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cải do ông Kh đã có người phụ nữ khác bên ngoài không còn quan tâm vợ con và hai người ly thân từ đó cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn Kh.

Về con chung: Lê Nguyễn Thanh H1 và Lê Nguyễn Phượng H2 hiện nay các con đã trưởng thành đều đã lập gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn Kh vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là ông Lê Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên chưa chấp hành đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: cho bà H được ly hôn với ông Kh. Về con chung Lê Nguyễn Thanh H1 và Lê Nguyễn Phượng H2 hiện nay các con đã trưởng thành đều đã lập gia đình riêng, bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: bà H xác nhận không có và không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết, bà H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn Kh, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Văn Kh là hợp pháp, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà Vinh), tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 169, ngày 19/9/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung Lê Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 18/11/1995 và Lê Nguyễn Phượng H2, sinh ngày 20/01/1997. Đến năm 2014 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cải, bất đồng quan điểm mà không thể giải quyết trong một thời gian dài, nên bà H và ông Kh đã sống ly thân không còn quan tâm lẫn nhau. Mặc khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án mời ông Kh đến hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng ông Kh đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông Kh không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình, từ khi ly thân đến nay hai bên không tạo điều kiện để cải thiện quan hệ vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H xin được ly

hôn với ông Kh là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng có hai con chung Lê Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 18/11/1995 và Lê Nguyễn Phượng H2, sinh ngày 20/01/1997 hiện nay các con đã trưởng thành đều đã lập gia đình riêng không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà H à không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà H xác nhận không có và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với Lê Văn Kh.

2. Về con chung: Lê Nguyễn Thanh H1 và Lê Nguyễn Phượng H2 đã trưởng thành, bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà H không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà H xác nhận không có và không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009395, ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/9/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV
- Nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (…)